

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/DS-ST.  
Ngày: 27/8/2021.  
“*V/v tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Pang Ting Suyl.

2. Bà Trần Thị Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-DS ngày 24/3/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-DS ngày 04/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Anh T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Ông T ủy quyền cho chị Trương Thị Quỳnh Nh, sinh năm: 1994. Địa chỉ: TDP Đ, TT. Đ, huyện Lâm Hà tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2021.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Phạm Văn B, sinh năm: 1985.

Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(*Chị Nh có mặt, ông B, bà O vắng mặt không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Theo đơn khởi kiện của ông Hoàng Anh T và lời trình bày của chị Trương Thị Quỳnh Nh như sau:* Đầu tháng 01/2019 ông T cho vợ chồng ông B, bà O vay

số tiền là 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, chia ra thành 2 khoản: Đối với khoản tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) vợ chồng ông B, bà O phải trả lãi hàng tháng, đối với khoản tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) tính lãi vào cuối năm 2019. Hai bên thỏa thuận cuối năm 2019 vợ chồng ông B, bà O phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho ông T. Hai bên có lập một giấy nợ do ông B viết và ký tên.

Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng ông B mới trả cho ông T số tiền 6.000.000đồng là tiền lãi của khoản tiền 60.000.000đồng tính từ khi vay đến tháng 10/2019. Đến hạn trả nợ như thỏa thuận nhưng ông B, bà O không trả tiền cho ông T, luôn khát lẩn, lẩn tránh, không có thiện chí trả tiền, vợ chồng ông B, bà O đang tẩu tán toàn bộ tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông T. Đến nay các bên không thể tự thương lượng thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp và để đảm bảo quyền lợi của mình, ông T đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà buộc ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kiều O phải trả cho ông T số tiền gốc là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Ngoài ra ông T yêu cầu ông B, bà O phải trả cho ông T tiền lãi cho đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong, cụ thể:

Đối với khoản tiền 60.000.000 đồng, tính lãi từ tháng 11/2019 cho đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong, tạm tính là 19 tháng với mức lãi suất là 1%/tháng:  $60.000.000 \times 1\% \times 19 = 11.400.000$  đồng.

Đối với khoản tiền 170.000.000 đồng, tính lãi từ tháng 01/2019 cho đến khi vụ án được Tòa án giải quyết xong, tạm tính là 29 tháng với mức lãi suất là 1%/tháng:  $170.000.000 \times 1\% \times 29 = 49.300.000$  đồng.

Tổng số tiền ông T yêu cầu ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kiều O phải trả tạm tính là: 290.700.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Ngoài ra ông T không yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kiều O, sau khi Toà án thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa nguyên đơn ông Hoàng Anh T với bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kiều O cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy rằng: Vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kiều O không có mặt tại địa phương và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vợ chồng ông B, bà O vẫn vắng mặt. Vì vậy, Toà án không tiến hành lấy lời khai cũng như không tiến hành hoà giải được vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điều 463, 466 và điều 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Anh T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kiều O. Buộc ông Phạm Văn B phải trả cho ông Hoàng Anh T số tiền gốc là 230.000.000đồng và tiền nợ lãi với mức lãi suất đối với từng khoản vay là 0,83%/tháng.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Anh T nên buộc ông B phải chịu án phí dân sự về việc trả nợ. Ông T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu về tiền lãi không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn vợ chồng ông B không có mặt tại nơi cư trú, việc vợ chồng ông B bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Dân sự. Do đó căn cứ nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao ngày 05/5/2017 nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt vợ chồng ông B theo qui định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc ông Hoàng Anh T cho ông Phạm Văn B vay số tiền 230.000.000đồng việc vay tiền hai bên có lập thành văn bản có thỏa thuận lãi suất. Đến hạn ông B không trả tiền gốc, tiền lãi cho ông T theo thỏa thuận nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đầu năm 2019 ông Hoàng Anh T cho ông Phạm Văn B vay số tiền 230.000.000đồng, giữa hai bên có lập bằng văn bản và có thỏa thuận lãi

suất. Trong đó số tiền 60.000.000đồng ông B trả lãi hàng tháng, còn số tiền 170.000.000đồng đến cuối năm 2019 ông B mới trả lãi theo thỏa thuận. Sau khi vay tiền về sử dụng ông B đã trả được cho ông T 6.000.000đồng tiền lãi của khoản vay 60.000.000đồng, còn số tiền 170.000.000đồng ông B chưa trả, đến hạn ông T đòi nhiều lần nhưng ông B khất lần, không có thiện chí trả tiền gốc và tiền lãi cho ông T. Đến tháng 01/2021 vợ chồng ông B, bà O đã chuyển nhượng tài sản cho người khác rồi bỏ đi khỏi địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2021 của ông Hoàng Anh T khởi kiện vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị Kiều O phải trả cho ông số tiền gốc và tiền lãi là 290.700.000đồng. Tuy nhiên, tại giấy nợ (BL 17) ông T xuất trình cho Tòa án chỉ thể hiện một mình ông Phạm Văn B viết và ký ra giấy nợ số tiền 230.000.000đồng với ông T, không có chữ ký của bà Nguyễn Thị Kiều O. Vì vậy cần xác định đây là khoản nợ riêng của ông Phạm Văn B. Sau khi ông B vay số tiền trên của ông T, đến hạn ông B không trả số tiền gốc và tiền lãi cho ông T theo thỏa thuận, ông T đã đòi nhiều lần nhưng ông B không có thiện chí trả tiền. Đến tháng 01/2021 ông B đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất rồi bỏ đi khỏi địa phương, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông T. Do vậy, cần buộc ông Phạm Văn B phải trả nợ cho ông Hoàng Anh T số tiền gốc 230.000.000đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[4]. Đối với khoản tiền lãi suất ông T yêu cầu ông B trả lãi 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử. Xét thấy: Tại giấy nợ (BL 17) giữa ông T với ông Phạm Văn B có thỏa thuận lãi nhưng không cụ thể lãi suất là bao nhiêu %/tháng. Do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, thì xác định lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 là không quá 20%/năm của khoản tiền vay. Do vậy chỉ chấp nhận khoản lãi suất cho ông T là 0,83%/tháng là hoàn toàn phù hợp, thời gian tính tiền lãi từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 27/8/2021 là 30 tháng 27 ngày.

Lãi suất được tính như sau:  $230.000.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 30\text{ tháng } 27\text{ ngày} = 58.988.100\text{đồng}$ . Do vậy buộc ông B phải trả 58.988.100đồng tiền lãi cho ông T, nhưng được khấu trừ 6.000.000đồng tiền lãi mà ông B đã trả cho ông T, số tiền lãi còn phải trả là 52.988.100đồng. Ông B tiếp tục chịu tiền lãi cho đến khi trả hết số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền lãi không được chấp nhận là  $(12.081.900\text{đồng} \times 5\% = 604.095\text{đồng})$ , được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp. Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Anh T, buộc ông Phạm Văn B phải trả cho ông Hoàng Anh T số tiền là 282.988.100 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu chín trăm tám mươi tám một trăm nghìn đồng*). Trong đó 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) tiền gốc và 52.988.100 đồng (*Năm mươi hai triệu chín trăm tám mươi tám nghìn một trăm đồng*) tiền lãi, ông B tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày tiếp theo (28/8/2021) cho đến khi trả hết số tiền trên.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.*

2. Về án phí: Buộc ông Hoàng Anh T phải nộp 604.095 đồng (*Sáu trăm lẻ bốn nghìn không trăm chín lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng ông T đã tạm nộp là 7.267.500 đồng (*Bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Hoàn trả cho ông Hoàng Anh T 6.663.405 đồng (*Sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm lẻ năm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã tạm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015184 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Buộc ông Phạm Văn B phải nộp 14.750.000 đồng (*Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2021) đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Sơn**